

Số: 29/CV..

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ
bán trong nước hoặc xuất khẩu

Lào Cai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Lào Cai

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty TNHH MTV Traphacosapa gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2025

Công ty TNHH MTV Traphacosapa xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



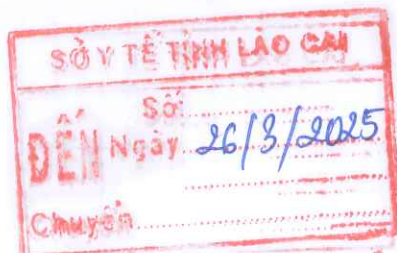
GIÁM ĐỐC

Th.S: Đỗ Tiến Sỹ

- Họ và tên người nộp văn bản:
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Tổ 2 phường Phan Si Păng, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai
- Số điện thoại liên lạc:
- Email:
- Số fax:

**GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ
CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN**

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)



Lào Cai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 29/AT ngày 24 tháng 3 năm 2025 của..... về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
1	Ampelop vi 10 viên	10viên/vi*9vi/hộp*48hộp/kiện	hộp	Bán buôn		115.000		0	0	Đồng được
2	Boganic Forte 5 vi	10 viên/vi*5 vi/hộp*60 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		115.000		0	0	Đồng được
3	Boganic hộp 2vi	20viên/vi*2vi/hộp*152 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		35.000		0	0	Đồng được
4	Boganic hộp 5vi	20viên/vi*5vi/hộp*60 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		80.000		0	0	Đồng được
5	Boganic hộp 5vi bao film	20viên/vi*5vi/hộp*60 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		80.000		0	0	Đồng được
6	Cebraton nang mềm 1 vi	10viên/vi * 1vi/hộp * 114 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		35.000		0	0	Đồng được
7	Cebraton nang mềm 5 vi	10viên/vi * 5vi/hộp * 60 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		160.000		0	0	Đồng được
8	Didicera	10gói/hộp*100 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		40.000		0	0	Đồng được

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
9	Didicera nang cứng	10 viên/vi*3 vi/hộp*50 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		120.000		0		được Đông được
10	Đan sâm tam thất	20viên/vi*2vi/hộp*132hộp/kiện	hộp	Bán buôn		48.000		0		Đông được
11	HHDN 2 vi bao film	20viên/vi *2vi/hộp *132 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		42.000		0		Đông được
12	HHDN 5 vi bao đường	20viên/vi *5vi/hộp *60 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		95.000		0		Đông được
13	HHDN 5 vi bao phim	20viên/vi *5vi/hộp *60 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		95.000		0		Đông được
14	Hoàn điều kinh	50g/gói*10gói/hộp*100hộp/kiện	hộp	Bán buôn		32.000		0		Đông được
15	Sáng mắt nang cứng	10 viên/vi*10vi/hộp* 60hộp/kiện	hộp	Bán buôn		85.000		0		Đông được
16	Sáng mắt nang mềm	10viên/vi*3vi/hộp*72 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		62.000		0		Đông được
17	Totim Extra	20viên/vi* 2vi/hộp * 132 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		60.000		0		Đông được
18	Tradin extra	10viên/vi*2vi/hộp *132 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		45.000		0		Đông được
19	ACEFALGAL 500 (Paracetamol) 500mg	10viên/vi*10vi/hộp*100hộp/kiện	hộp	Bán buôn		38.000		0		Tân được
20	Aspirin 100mg	10viên/vi*3vi/hộp*240hộp/kiện	hộp	Bán buôn		13.500		0		Tân

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
										được
21	Avircem 250mg	510 tub/kiện	Tub	Bán buôn		17.000		0	0	Tân được
22	Avirtab 200mg	10viên/vi*5vi/hộp*144hộp/kiện	Vi	Bán buôn		16.000		0	0	Tân được
23	Azizi 500mg	3viên/vi*1vi/hộp*240hộp/kiện	hộp	Bán buôn		18.000		0	0	Tân được
24	Claritra	14 viên/vi*1 vi/hộp*120hộp/kiện	hộp	Bán buôn		84.000		0	0	Tân được
25	Colchicin 0,5mg	20 viên/vi*1vi/hộp*180hộp/kiện	hộp	Bán buôn		14.000		0	0	Tân được
26	Colchicin 1mg	20 viên/vi*1vi/hộp*180hộp/kiện	hộp	Bán buôn		22.000		0	0	Tân được
27	Dafrazol 20mg	14viên/lọ*240lọ/kiện	Lọ	Bán buôn		20.000		0	0	Tân được
28	Eucinat 250 (Cefuroxime 250mg)	10viên/vi*1vi/hộp*160 /kiện	hộp	Bán buôn		55.000		0	0	Tân được
29	Eucinat 500 (Cefuroxime 500mg)	10viên/vi*1vi/hộp*160 /kiện	hộp	Bán buôn		98.000		0	0	Tân được
30	Eulexcin 500 (Cephalexin 500mg)	10viên/vi*10vi/hộp*100hộp/kiện	hộp	Bán buôn		209.000		0	0	Tân được
31	Euroxil 500 (Cefadroxil 500mg)	12viên/vi*10vi/hộp*60hộp/kiện	hộp	Bán buôn		312.000		0	0	Tân được

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
32	Euxamus 200 (Acetylcysteine 200mg)	10viên/vi*10vi/hộp*192/hộp	hộp	Bán buôn		80.000		0		Tân được
33	Fenxicam - M	10viên/vi*2vi/hộp*156 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		16.000		0		Tân được
34	Furosemid 40mg	20viên/vi*2vi/hộp * 192hộp/kiện	hộp	Bán buôn		20.000		0		Tân được
35	Leivis 2%	10g/tub*360 tub/kiện	Tub	Bán buôn		10.000		0		Tân được
36	Loratadin 10mg	10 viên/vi*10 vi/hộp*96 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		95.000		0		Tân được
37	Nostravin	Lọ 8ml*360 lọ/kiện	Lọ	Bán buôn		8.000		0		Tân được
38	Ofloxacin	Lọ 5ml/6ml/7ml*360 lọ/kiện	Lọ	Bán buôn		9.500		0		Tân được
39	Ovalax	10 viên* 1vi/hộp*300 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		8.000		0		Tân được
40	Refalax	20g/tube *200 tube/kiện	Tub	Bán buôn		20.000		0		Tân được
41	Trafedin New 5mg	10 viên/vi*3vi/hộp *200 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		27.000		0		Tân được
42	Tramucys	2g/gói * 30 gói/hộp * 45 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		50.000		0		Tân được
43	Traphacol (Paracetamol 150mg)	1,5g/gói*24 gói/hộp*84hộp/kiện	hộp	Bán buôn		45.000		0		Tân được

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
44	Traphacol (Paracetamol 250mg)	2,5g/gói*24 gói/hộp*72hộp/kiện	hộp	Bán buôn		52.000		0	0	Tần được
45	Tratrison	10g/tub* 360tub/kiện	Tub	Bán buôn		12.000		0	0	Tần được
46	Viên cảm cúm Traflu	12 viên/vi*5 vi/hộp * 66 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		55.000		0	0	Tần được
47	Viên sùi ACEFALGAN 500	4 viên/vi* 4vi/hộp*138 hộp/kiện	hộp	Bán buôn		36.000		0	0	Tần được
48	Vitamin B2 2mg	30viên/vi*6vi/hộp * 120hộp/kiện	Vì	Bán buôn		3.450		0	0	Tần được
49	Vitamin PP 50mg	30viên/vi*6vi/hộp * 120hộp/kiện	hộp	Bán buôn		38.000		0	0	Tần được

2. Mức giá kê khai bán xuất khẩu:

[illegible]

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước: nêu cụ thể nguyên nhân do biến động của các yếu tố hình thành giá và các nguyên nhân khác tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ.
4. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá.

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị thực hiện kê khai giá.
- (2) Số ký hiệu văn bản.
- (3) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá
 - Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai giá.
 - Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, thực hiện kê khai mức giá ghi trên hóa đơn theo đồng Việt Nam, đồng ngoại tệ (nếu có) tại bảng kê khai, ghi chú thêm thông tin thị trường nước xuất khẩu, tỷ giá, ngày áp dụng tỷ giá và ngân hàng giao dịch.
 - Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.

